

Số: 2915 /QĐ-ĐHNL-ĐT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận khen thưởng tốt nghiệp

Đại học, Cao đẳng hệ Chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ Trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định đào tạo Liên thông trình độ Cao đẳng, Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống chứng chỉ”;

Căn cứ theo Quyết định số 1808/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 27/08/2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM ban hành “Quy định về việc khen thưởng thành tích học tập trong toàn khóa học đối với sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ”.

Căn cứ theo danh sách đề nghị khen thưởng của Khoa/Bộ môn;

Xét thành tích học tập và rèn luyện của sinh viên trong toàn khóa học;

Xét đề nghị của các Ông (Bà) Trưởng Khoa/Bộ môn và Trưởng Phòng Đào Tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay biểu dương khen thưởng 07 sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc và 228 sinh viên tốt nghiệp loại giỏi

Điều 2: Mức khen thưởng: Sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc: 600.000đ/ sinh viên
Sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi: 300.000đ/ sinh viên

Điều 3: Các Ông(bà) Trưởng phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Ban Chủ nhiệm Khoa, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.



Nơi nhận:

- P. KHTC, P. CTSV;
- Khoa/Bộ môn;
- Lưu: VT, P. ĐT.

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC TỐT NGHIỆP LOẠI XUẤT SẮC

(Ban hành kèm Quyết định số: 2915 /QĐ-ĐHNL-ĐT Ngày 11 tháng 12 năm 2012
của Hiệu Trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM)

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
1	Cơ khí công nghệ	DH08TD	08138012	Lê Tấn Phúc	3.76
2	Kinh tế	DH08TC	08164030	Trần Thúy Ngọc	3.67
3	Kinh tế	DH08TC	08164035	Nguyễn Thị Nhiên	3.66
4	Kinh tế	DH08TM	08150071	Trần Phương Linh	3.62
5	Lâm nghiệp	DH08QR	08147181	Huỳnh Thái Thảo	3.6
6	Nông học	DH08NH	08113020	Vũ Thị Diệu	3.63
7	Ngoại ngữ - Sư phạm	DH08AVG	08128111	Trần Thanh Trúc	3.71

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
1	Kinh tế	CD09CA	09363080	Trần Thị Hoan	3.2
2	Kinh tế	CD09CA	09363131	Nguyễn Thị Bích Ngọc	3.27
3	Quản lý ĐĐ&BDS	CD09CQ	09333084	Lê Thị Ngọc Minh	3.38
4	Thủy sản	CD09CS	09336058	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3.25

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
1	Thủy sản	LT10NT	010416005	Nguyễn Thị Anh Khuê	3.33
2	Thủy sản	LT10NT	010416007	Nguyễn Phạm ánh Ngọc	3.53
3	Thủy sản	LT10NT	010416008	Đào Thị Phụng	3.36
4	Thủy sản	LT10NT	010416010	Nguyễn Hữu Thuật	3.24



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI

(Ban hành kèm Quyết định số: 2915 /QĐ-ĐHNL-ĐT Ngày 11 tháng 12 năm 2012
của Hiệu Trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
1	Công nghệ hóa học	DH08HH	08139086	Trần Thị Kim Hoa	3.33
2	Công nghệ hóa học	DH08HH	08139125	Phan Thị Kim Khánh	3.23
3	Công nghệ hóa học	DH08HH	08139211	Nguyễn Thị Trúc Phương	3.57
4	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126004	Phạm Hoàng Anh	3.52
5	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126058	Cao Thị Mỹ Hạnh	3.35
6	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126080	Phạm Thanh Hồng	3.3
7	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126084	Nguyễn Quốc Huy	3.59
8	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126089	Võ Tấn Hùng	3.57
9	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126117	Võ Thị Mỹ Lợi	3.34
10	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126181	Lê Hữu Tài	3.3
11	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126208	Nguyễn Thị Kim Thoa	3.33
12	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126136	Nguyễn Hữu Nghĩa	3.25
13	Công nghệ sinh học	DH08SH	08126231	Nguyễn Thị Thu Trang	3.25
14	Công nghệ thông tin	DH08DT	08130075	Lê Đức Quyền	3.24
15	Công nghệ thực phẩm	DH08VT	08156005	Nguyễn Thị ánh	3.38
16	Công nghệ thực phẩm	DH08VT	08156041	Võ Thị Trúc Linh	3.47
17	Cơ khí công nghệ	DH08CD	08153029	Huỳnh Thanh Thượng	3.24
18	Cơ khí công nghệ	DH08CD	08153030	Nguyễn Đức Thanh Tịnh	3.38
19	Cơ khí công nghệ	DH08OT	08154032	Nguyễn Ngọc Thu	3.51
20	Cơ khí công nghệ	DH08OT	08154053	Tôn Thất Trung Kiên	3.29
21	Cơ khí công nghệ	DH08TD	08138024	Đỗ Anh Ngọc	3.28
22	Cơ khí công nghệ	DH08TD	08138059	Phan Nguyễn Bích Trâm	3.47
23	Chăn nuôi thú y	DH08TA	08161046	Võ Văn Đê	3.23
24	Chăn nuôi thú y	DH08TA	08161149	Tô Thị Mỹ Phương	3.32
25	Kinh tế	DH08KE	08123004	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	3.24
26	Kinh tế	DH08KE	08123028	Nguyễn Thị Ngọc Giúp	3.44
27	Kinh tế	DH08KE	08123035	Nguyễn Thị Kim Hằng	3.31
28	Kinh tế	DH08KE	08123063	Hoàng Thị Thanh Hương	3.26
29	Kinh tế	DH08KE	08123067	Đoàn Ngọc Khánh	3.33
30	Kinh tế	DH08KE	08123072	Phạm Thị Trúc Lam	3.41
31	Kinh tế	DH08KE	08123080	Nguyễn Thị Trúc Liên	3.25
32	Kinh tế	DH08KE	08123090	Phạm Thị Hồng Loan	3.26
33	Kinh tế	DH08KE	08123109	Đinh Thị Ngà	3.21
34	Kinh tế	DH08KE	08123118	Huỳnh Phương Ngọc	3.24

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
35	Kinh tế	DH08KE	08123130	Phạm Minh Phú	3.36
36	Kinh tế	DH08KE	08123138	Lương Thị Quyên	3.23
37	Kinh tế	DH08KE	08123144	Nguyễn Thị Hồng Sơn	3.56
38	Kinh tế	DH08KE	08123156	Lê Thị Thanh	3.21
39	Kinh tế	DH08KE	08123177	Hồ Thủy Tiên	3.46
40	Kinh tế	DH08KE	08123187	Nguyễn Thị Triêm	3.27
41	Kinh tế	DH08KE	08123189	Trần Thị Thanh Trúc	3.46
42	Kinh tế	DH08KE	08123190	Vũ Quốc Tuấn	3.27
43	Kinh tế	DH08KM	08143008	Trần Thị Ngọc Hương	3.55
44	Kinh tế	DH08KM	08143021	Nguyễn Thị Hồng Phấn	3.33
45	Kinh tế	DH08KM	08143022	Lê Thanh Sang	3.36
46	Kinh tế	DH08KM	08143027	Nguyễn Thị Thơ	3.28
47	Kinh tế	DH08KM	08143030	Nguyễn Thị Xuân Thúy	3.35
48	Kinh tế	DH08KM	08143040	Trần Thị Phi Yên	3.21
49	Kinh tế	DH08KM	08143042	Lê Thị Chinh	3.52
50	Kinh tế	DH08KM	08143044	Bùi Thùy Dương	3.42
51	Kinh tế	DH08KM	08143049	Hoàng Thị Phượng Linh	3.4
52	Kinh tế	DH08KM	08143051	Phan Thị Tuyết Ly	3.37
53	Kinh tế	DH08KM	08143057	Nguyễn Văn Sang	3.32
54	Kinh tế	DH08KM	08143058	Vũ Thị Thảo	3.45
55	Kinh tế	DH08KM	08143059	Lê Thị Huỳnh Thắm	3.37
56	Kinh tế	DH08KM	08143065	Nguyễn Thị Thùy	3.41
57	Kinh tế	DH08KM	08146109	Phan Thị Tuyết Ghé	3.26
58	Kinh tế	DH08KT	08120012	Phạm Đăng Khoa	3.2
59	Kinh tế	DH08KT	08120014	Phạm Thị Hồng Lài	3.34
60	Kinh tế	DH08KT	08120033	Phạm Thị Ly Vi	3.36
61	Kinh tế	DH08KT	08120037	Đào Thị Trúc Đào	3.26
62	Kinh tế	DH08KT	08120039	Nguyễn Thị Kim Đăng	3.21
63	Kinh tế	DH08KT	08120040	Lê Trúc Giang	3.5
64	Kinh tế	DH08KT	08120042	Phạm Thị Thu Hà	3.2
65	Kinh tế	DH08KT	08120046	Phạm Thị Mỹ Hạnh	3.55
66	Kinh tế	DH08KT	08120049	Nguyễn Thị Diệu Huyền	3.45
67	Kinh tế	DH08KT	08120058	Trịnh Thị Kim Ly	3.26
68	Kinh tế	DH08KT	08120066	Đinh Thị Thanh	3.52
69	Kinh tế	DH08KT	08120071	Trần Thị Dạ Thảo	3.31
70	Kinh tế	DH08KT	08120075	Dương Thị Thu	3.52
71	Kinh tế	DH08KT	08120077	Lê Thị Mỹ Thuận	3.27
72	Kinh tế	DH08KT	08120084	Nguyễn Thị Thu Trúc	3.32
73	Kinh tế	DH08KT	08120087	Lưu Văn	3.42
74	Kinh tế	DH08KT	08120090	Nguyễn Hải Yên	3.26
75	Kinh tế	DH08KT	08120094	Nguyễn Thị Thùy Liên	3.28
76	Kinh tế	DH08KT	08121001	Lê Thị Đào	3.58
77	Kinh tế	DH08KT	08121003	Trần Thiên Văn	3.37

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
78	Kinh tế	DH08QT	06119018	Nguyễn Tiến Lộc	3.24
79	Kinh tế	DH08QT	08122016	Phạm Thị Thu Cúc	3.52
80	Kinh tế	DH08QT	08122022	Nguyễn Thị Thu Dung	3.32
81	Kinh tế	DH08QT	08122026	Võ Quốc Đạt	3.33
82	Kinh tế	DH08QT	08122027	Đình Phú Điền	3.24
83	Kinh tế	DH08QT	08122035	Hà Thị Thúy Hằng	3.29
84	Kinh tế	DH08QT	08122036	Lê Thị Hằng	3.56
85	Kinh tế	DH08QT	08122037	Lương Thị Thu Hằng	3.31
86	Kinh tế	DH08QT	08122038	Nguyễn Diệu Hằng	3.32
87	Kinh tế	DH08QT	08122040	Mai Đình Hiệp	3.24
88	Kinh tế	DH08QT	08122060	Bùi Trí Kiện	3.34
89	Kinh tế	DH08QT	08122063	Phan Chí Linh	3.23
90	Kinh tế	DH08QT	08122066	Lê Thị Loan	3.44
91	Kinh tế	DH08QT	08122071	Nguyễn Thị Lộc	3.27
92	Kinh tế	DH08QT	08122074	Hoàng Tiết Mai	3.53
93	Kinh tế	DH08QT	08122083	Huỳnh Kim Ngọc	3.45
94	Kinh tế	DH08QT	08122090	Trần Thị Bích Như	3.43
95	Kinh tế	DH08QT	08122107	Trần Thị Tâm	3.58
96	Kinh tế	DH08QT	08122116	Nguyễn Thị Thu Thảo	3.39
97	Kinh tế	DH08QT	08122117	Hồ Thị Hồng Thắm	3.24
98	Kinh tế	DH08QT	08122120	Phạm Thị Thanh Thi	3.44
99	Kinh tế	DH08QT	08122123	Phan Thị Đức Thoại	3.5
100	Kinh tế	DH08QT	08122128	Hoàng Thu Thủy	3.32
101	Kinh tế	DH08QT	08122139	Nguyễn Thị ánh Trang	3.2
102	Kinh tế	DH08QT	08122148	Phạm Nhữ Trung	3.38
103	Kinh tế	DH08QT	08122159	Nguyễn Thị Thùy Vân	3.22
104	Kinh tế	DH08QT	08122166	Mai Thị Hồng Xuyên	3.27
105	Kinh tế	DH08QT	08122168	Hà Thị Kim Yến	3.33
106	Kinh tế	DH08QT	08122169	Trần Nguyễn Ngọc Yến	3.31
107	Kinh tế	DH08QT	08122177	Đỗ Thu Thùy Vân	3.28
108	Kinh tế	DH08TC	08164007	Nguyễn Thị Loan Chi	3.34
109	Kinh tế	DH08TC	08164008	Cao Thanh Chức	3.36
110	Kinh tế	DH08TC	08164010	Lê Thị Ngọc Dung	3.28
111	Kinh tế	DH08TC	08164011	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	3.23
112	Kinh tế	DH08TC	08164018	Võ Thị Ngọc Hiếu	3.51
113	Kinh tế	DH08TC	08164019	Dương Thị Hoa	3.37
114	Kinh tế	DH08TC	08164025	Lê Thị Mỹ Khuân	3.4
115	Kinh tế	DH08TC	08164029	Vũ Thành Luân	3.39
116	Kinh tế	DH08TC	08164051	Lê Thị Mai Thảo	3.3
117	Kinh tế	DH08TC	08164055	Nguyễn Thị Thu Thủy	3.43
118	Kinh tế	DH08TC	08164058	Trần Thị Hoài Thương	3.53
119	Kinh tế	DH08TC	08164060	Trần Quốc Tính	3.21
120	Kinh tế	DH08TC	08164064	Trần Thị Thanh Trang	3.2

STT	KHOA/BỘ MÔN	LỚP	MSSV	HỌ và TÊN	ĐTB
121	Kinh tế	DH08TC	08164070	Nguyễn Thị ánh Tuyết	3.36
122	Kinh tế	DH08TM	08150002	Nguyễn Thùy An	3.44
123	Kinh tế	DH08TM	08150009	Huỳnh Thị Phương Châu	3.27
124	Kinh tế	DH08TM	08150013	Nguyễn Thị Cẩm Chi	3.38
125	Kinh tế	DH08TM	08150016	Hồng Mỹ Dung	3.2
126	Kinh tế	DH08TM	08150025	Nguyễn Thành Được	3.2
127	Kinh tế	DH08TM	08150032	Đặng Thị Ngọc Hà	3.5
128	Kinh tế	DH08TM	08150034	Nguyễn Thị Ngọc Hà	3.24
129	Kinh tế	DH08TM	08150038	Nguyễn Thị Minh Hân	3.42
130	Kinh tế	DH08TM	08150043	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3.26
131	Kinh tế	DH08TM	08150044	Nguyễn Trường Kim Hoa	3.4
132	Kinh tế	DH08TM	08150047	Nguyễn Thị Thúy Hoàng	3.49
133	Kinh tế	DH08TM	08150058	Nguyễn Thị Hương	3.38
134	Kinh tế	DH08TM	08150069	Nguyễn Thị Thùy Linh	3.37
135	Kinh tế	DH08TM	08150074	Nguyễn Thị Thanh Loan	3.45
136	Kinh tế	DH08TM	08150075	Phù Thị Trúc Ly	3.21
137	Kinh tế	DH08TM	08150080	Dương Thị Min	3.59
138	Kinh tế	DH08TM	08150083	Đỗ Thị Mừng	3.25
139	Kinh tế	DH08TM	08150101	Lục Thủy Thanh Như	3.2
140	Kinh tế	DH08TM	08150104	Lê Thị Kim Nữ	3.48
141	Kinh tế	DH08TM	08150108	Đào Thị Bích Phương	3.44
142	Kinh tế	DH08TM	08150109	Lê Anh Phương	3.54
143	Kinh tế	DH08TM	08150114	Trần Thị Kiều Phương	3.44
144	Kinh tế	DH08TM	08150115	Trần Minh Quang	3.32
145	Kinh tế	DH08TM	08150122	Nguyễn Thị Tuyết Sang	3.4
146	Kinh tế	DH08TM	08150142	Dương Thị Thơ	3.26
147	Kinh tế	DH08TM	08150151	Võ Thị Anh Thư	3.23
148	Kinh tế	DH08TM	08150155	Nguyễn Thị Thanh Trang	3.37
149	Kinh tế	DH08TM	08150167	Nguyễn Thị Cao Trí	3.41
150	Kinh tế	DH08TM	08150173	Phạm Thị Hồng Tuyết	3.49
151	Kinh tế	DH08TM	08150174	Dương Tôn Tú	3.44
152	Kinh tế	DH08TM	08150186	Lê Vũ Tường Vy	3.21
153	Kinh tế	DH08TM	08150188	Nguyễn Hoàng Hải Yến	3.39
154	Kinh tế	DH08TM	08150189	Nguyễn Thị Hồng Yến	3.29
155	Kinh tế	DH09KE	09123099	Đàm Thị Thảo Nguyên	3.32
156	Kinh tế	DH09KT	09120010	Phạm Thị Toàn Lanh	3.43
157	Lâm nghiệp	DH08CB	08115040	Trương Thị Sen	3.2
158	Lâm nghiệp	DH08GB	08134006	Huỳnh Thị ái Thương	3.23
159	Lâm nghiệp	DH08NK	08146094	Bùi Thị Ngọc Tuyên	3.35
160	Lâm nghiệp	DH08QR	08147050	Trần Thị Thu Hà	3.41
161	Lâm nghiệp	DH08QR	08147089	Lê Thái Hùng	3.22
162	Môi trường và tài nguyên	DH08CH	08131165	Nguyễn Thị Anh Thư	3.22
163	Môi trường và tài nguyên	DH08DL	08157007	Nguyễn Thị Kim Anh	3.25